TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy;

2. Ông Trương Thanh Phong.

- Th ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Bích P, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn:* Châu Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Bích P trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 15 tháng 10 năm 2012, chị Trương Thị Bích P và anh Châu Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đằm thắm, yêu Thương nhau, tuy nhiên đến ngày 20/3/2017, chị P đi làm về thì anh T ghen tuông, đánh, chửi chị P do anh T cho rằng chị không chung thủy vợ chồng. Từ đó cho đến nay, anh T cứ thường xuyên đánh chị và ghen tuông vô cớ; bên cạnh đó, anh T còn nhậu nhẹt, ăn chơi. Chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, anh T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng mỗi ngày càng lớn, hành vi bạo lực diễn ra nhiều hơn, anh T còn đe dọa sẽ giết chị.

Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị P xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị P và anh T thống nhất thỏa thuận: Anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Châu Thị Minh Th, sinh ngày 07/02/2013 và Châu Văn Phát Đ, sinh ngày 20/3/2015, chị P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 04 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Châu Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị P trình bày là đúng. Khoảng tháng 3 năm 2017, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, do chị P bỏ nhà đi cho đến nay, anh không liên lạc được, cũng không biết chị P đi đâu, đi với ai, anh cũng đi tìm kiếm chị P nhiều lần nhưng không gặp, anh vẫn còn thương vợ và hai con còn quá nhỏ, cần có cha mẹ chăm sóc, gia đình đang túng thiếu, anh đi làm thuê kiếm sống nuôi các con. Chị P xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh T và chị P thống nhất thỏa thuận: Anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Châu Thị Minh Th, sinh ngày 07/02/2013 và Châu Văn Phát Đ, sinh ngày 20/3/2015; anh T không yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là bà Lê Thị Kim Chi, Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng và chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị P và anh T được ly hôn; về nuôi con chung: Anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Châu Thị Minh Th, sinh ngày 07/02/2013 và Châu Văn

Phát Đ, sinh ngày 20/3/2015 (Cháu Th và cháu Đ đang sống chung với anh T), anh T không yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Bích P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Châu Văn T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là anh Châu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Ngày 15 tháng 10 năm 2012, chị Trương Thị Bích P và anh Châu Văn T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã P là hôn nhân hợp pháp, nhưng trong thời gian chung sống xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có tính ghen tuông, mỗi khi chị P đi ra khỏi nhà và về thì bị anh T đánh rất nhiều lần; thời gian gần đây, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Chị P và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Do đó, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trương Thị Bích P và anh Châu Văn T; anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Châu Thị Minh Th, sinh ngày 07/02/2013 và Châu Văn Phát Đ, sinh ngày 20/3/2015 theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, nên chị P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

[7] Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con theo khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Trương Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Châu Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bích P và anh Châu Văn T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trương Thị Bích P và anh Châu Văn T; anh Châu Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Châu Thị Minh Th, sinh ngày 07/02/2013 và Châu Văn Phát Đ, sinh ngày 20/3/2015.

(Cháu Châu Thị Minh Th và cháu Châu Văn Phát Đ đang sống chung với anh Châu Văn T).

Về cấp dưỡng: Anh Châu Văn T không yêu cầu chị Trương Thị Bích P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, nên chị Trương Thị Bích P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Anh Châu Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trương Thị Bích P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Trương Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do ông Trương Văn Tr nộp thay là 300.000đồng theo biên lai thu số: 13962 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Đồng Tháp; chị Trương Thị Bích P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Châu Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 8 năm 2017), anh Châu Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã P;
- Các đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung